TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HSST
Ngày: 17/3/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Đô;
Ông Trần Đức Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/ HSST ngày 02 tháng 02 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/ QĐXXST – HS ngày 21 tháng 02 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thái B, sinh năm 2000, tại tỉnh Long An.

Căn cước công dân: Không thu giữ được.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Nhựt Qvà bà Nguyễn Thị Kim O; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày XX/4/2021, bị Chủ tịch uy ban nhân dân xã Đ ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2022 cho đến nay, (có mặt).

- *Bị hại:* Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Trung T, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

- *Người làm chứng:* Hồ Lê Hải L, sinh năm 2002, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 20/8/2022, Trần Thái B điều khiển xe môtô (không rõ biển số) của ông Trần Nhựt Q (là bố của B) đến quán Karaoke 79 của bà Nguyễn Thị L (là mẹ kế B) thuộc Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh B. để lấy trộm tài sản. Khi đến nơi, B đi ra phía sau quán lấy 01 môtơ phát điện, hiệu HUUTOAN, công suất 12,5kw định đưa lên xe môtô, thì anh Hồ Lê Hải L là nhân viên của quán phát hiện hỏi B lấy mô tơ làm gì, thì B trả lời "Ba kêu mang môtơ đi sửa". Anh L tưởng thật liền giúp B khiêng môtơ lên xe. B điều khiển xe chở môtơ đến bán cho anh Nguyễn Trung T ở tại thôn 2 cùng xã Đường 10 được 2.000.000 đồng. Bán xong, B mang xe môtô về nhà trả cho ông Q, rồi bỏ đi khỏi địa phương. Khi phát hiện bị mất tài sản, bà L đã trình báo Cơ quan Công an. Ngày 18/11/2022, B đến Công an huyện Bù Đăng đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 97 ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng, xác định: 01 mô tơ phát điện, hiệu HUUTOAN, công suất 12,5kw tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị: 9.240.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: 01 mô tơ phát điện, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

+ Người liên quan là anh Nguyễn Trung T yêu cầu bị cáo trả lại 2.000.000 đồng, bị cáo chưa trả.

- Tại Cáo trạng số 16/CT –VKS.BĐ ngày 02/02/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Trần Thái B về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thái B phạm Tội trộm cắp tài sản;

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thái B từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Thái B thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 08 giờ ngày 20/8/2022, Trần Thái B có hành vi trộm cắp 01 môtơ phát điện trị giá 9.240.000 đồng của bà Nguyễn Thị L ở tại Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Thái B đã phạm Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do bản tính lười lao động muốn có tiền để tiêu xài bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã ra đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: 01 mô tơ phát điện, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo không có việc làm ổn định nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiển sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Thái B phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Thái B 06 tháng tù (sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Thái B phải trả lại cho anh Nguyễn Trung T số tiền 2.000.000 đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thái B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm..

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh